

Chùa Tự Khoát - Một điểm nhấn đáng quan tâm về di sản văn hóa

MINH - HOÀN

Đi từ trung tâm thành phố Hà Nội về phía Nam khoảng 15km, chúng ta sẽ đến địa phận xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, nơi có chùa Tự Khoát (Hưng Phúc tự) được cho là khởi dựng từ thời Lý Thánh Tông (1054 - 1072), mà theo chúng tôi, đây là một trong những ngôi chùa có nhiều điểm khác biệt so với những ngôi chùa khác.

Chùa Tự Khoát tọa lạc trên một khoảnh đất cao hơn xung quanh chút ít, gồm đầy đủ các hạng mục cần có của một ngôi chùa truyền thống, bố cục dàn trải trong không gian thoáng rộng, trung tâm là Tam bảo và phía trước, hai bên tả hữu còn có điện Quan Âm và đền thờ hai vị công chúa thời Lý, tương truyền hai bà có công tạo dựng cảnh chùa. Ngay khi đặt chân đến nơi đây, chúng ta sẽ được tiếp cận với Tam quan, một kiểu kiến trúc đặc biệt hiếm gặp ở những ngôi chùa khác, đó là Tam quan dạng tháp tầng mà kiến trúc phần trên mô phỏng ngọn trúc, như thể những người dựng lên kiến trúc này muốn nhấn nhủ chúng ta về địa danh Trúc Lĩnh/am Đông Trúc xưa kia. Sau Tam quan, qua một khoảng sân rộng là Bình phong, tuy nhiên theo chúng tôi, Bình phong ở đây không thích hợp với không gian kiến trúc chùa. Mọi ấn tượng kiến trúc nghệ thuật, mà

chúng tôi muốn thông qua đó để gợi mở một vài suy nghĩ được tập trung ở ngôi Tam bảo. Tại đây còn lưu giữ được nhiều mảng chạm rất có giá trị nghệ thuật gắn trên kiến trúc, một vài hiện vật đã bị hạ giải qua những lần tu sửa trước đây, song được sự trụ trì bảo quản cẩn thận. Có thể kể đến những chân quý dạ cá/dải yếm của y môn... và thanh Thượng lương bằng gỗ lim có khắc chìm Hán tự: "Thái tuế Nhâm Tý niên nhị nguyệt cốc nhật lương bài bản ni hợp đồng nhị xã phụng thừa nhị vị Bồ tát tu lý quân môn cát khánh" (tạm dịch: Thái tuế năm Nhâm Tý, tháng 2, ngày tốt ghi lại trên thượng lương, nhị vị Bồ tát khởi công tu lý, vị ni sư hợp đồng với hai xã phụng thừa thí công, trăm họ cát khánh yên vui). Về niên đại của Thượng lương này, một số tài liệu ghi rằng, năm Nhâm Tý ở đây là năm 1072, đời vua Lý Thánh Tông. Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu, không có hiện vật gỗ thời Lý nào còn lại đến ngày nay, các hiện vật gỗ thời Trần cũng còn rất ít, dấu tích hiện vật gỗ thời Mạc trở về trước còn lại thường làm bằng gỗ mít, không phải lim. Mặt khác, trên thượng lương thường ghi niên hiệu triều vua, chỉ đến thời Nguyễn thì mới xuất hiện việc để năm theo can chi. Cho nên, vấn đề niên đại của thanh Thượng lương



Tam quan chùa Tự Khoát, Thanh Trì, Hà Nội - Ảnh: T.L

này cũng như những lần tu sửa ngôi Tam bảo của chùa trong lịch sử cần được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

Trở lại với những mảng chạm hiện còn tại Tam bảo, tuy hệ kết cấu kiến trúc đã được tu sửa nhiều, song thật đáng quý ở đây là việc sớm có ý thức giữ gìn những yếu tố gốc, cũng có thể vì nhiều nguyên nhân, trong đó có sự hạn hẹp về kinh phí mà việc tu sửa đó được hiểu như là hỏng đâu thay đấy, cho nên thật may mắn còn giữ được nhiều thành tố có giá trị nghệ thuật. Có những đầu dư mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII, mặc dù kết cấu bộ vì nóc phía trên hoàn toàn mang phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Về tạo hình, các đầu dư này, tuy niên đại vào nửa sau thế kỷ XVII, nhưng có nét riêng là được làm khá dài, không ngắn mập, to lớn như của các đỉnh hoặc di tích khác cùng thời. Có thể "đọc" được ở đây biểu tượng gắn với mây, mưa, sấm, chớp như một gợi ý, nhắn nhủ với thần linh về ý thức cầu phúc.

Ở đây còn có những mảng chạm lõng kết hợp chạm bong khá nhuần nhuyễn, đạt trình độ

khá cao. Bên cạnh đó, bộ vì dạng "kèo trụ trốn" nhưng các đầu vuông thót đáy tại đầu cột vẫn chỉ tạo sự liên kết bằng mộng ngâm, chưa bị tùy tiện bỏ đi, nên chùa vẫn giữ được hệ cấu đầu, chưa chuyển thành quá giang (quá giang ăn mộng vào các đầu cột).

Đặc biệt, chùa còn giữ được một hệ thống phù điêu gắn với kiến trúc, trên đó bao gồm các đề tài rồng, phượng, lân, nhiều thú nhỏ và cả hoạt cảnh về con người (chèo thuyền, cưỡi ngựa, bắn súng hỏa mai, hình tượng của múa chèo, người ôm gói...).

Trong những hình tượng này, rồng có rất nhiều dạng, mà tinh thần nổi bật của nó là tự do trong thế uốn lượn, có con luồn một đoạn ẩn trong thân gỗ. Cách thể hiện này cho thấy gần giống một số rồng của đỉnh Chu Quyển mà một vài nhà nghiên cứu ngỡ rằng đã chịu ảnh hưởng của dòng tư duy phi nông nghiệp.

Tương tự, những hình tượng khác thể hiện khá trau chuốt, rồng vẫn có vị trí nói lên vai trò của mình.

Nhìn chung, cả một thế động/bố cục động ấy gợi nên ý nghĩ về sự liên quan đến con rồng

trong quan niệm của người Việt và Trung Hoa. Rỗng như biểu tượng của mưa, mà mưa là tinh dịch của trời cha tràn vào lòng đất mẹ cho muôn loài sinh sôi. Vậy, rỗng trong nhận thức dân gian là cha của muôn loài, từ nhận thức ấy khi nhìn lên chúng ta thấy đề tài trở nên ầm áp trong tình phụ tử. Rõ ràng, chúng không có ý thức trong việc chống phong kiến như nhiều người lầm tưởng, vì ở đây không có con rồng nào là biểu tượng của vua với 5 móng.

Những hình tượng về con người, như cảnh chèo thuyền đã rất gần gũi với đình Hoàng Xá (Vân Đình) và nhiều nơi khác, cảnh cưỡi ngựa, ôm gối, cảnh hát chèo tương đồng với đình Thổ Tang (Vĩnh Phúc), Phù Lão (Bắc Giang)... Tất cả những hình tượng đó đã giúp cho chúng ta (ít nhất là chúng tôi) thay đổi nhận thức. Chúng ta thường gặp các hoạt cảnh dân gian vào cuối thế kỷ XVII, chủ yếu xuất hiện trên đình với lý do đây là giai đoạn phát triển đỉnh cao nhất của nghệ thuật đình làng Việt Nam, thời kỳ mà quyền lực của chính thể quân chủ đã bị giảm sút, nông thôn chưa bị nạn chiêm tính ruộng đất của địa chủ tàn phá, thì kinh tế làng xã vẫn cho phép những người dân tạo nên công trình văn hóa của mình, chủ yếu tập trung vào ngôi đình làng. Trong khi đó, vai trò của ngôi chùa bị hạ thấp, nên những ngôi chùa của thời kỳ này rất ít được xây dựng. Đồng thời, nghệ thuật gắn với kiến trúc Phật giáo cuối thế kỷ XVII như xa rời hẳn những đề tài chạm khắc về hoạt cảnh dân gian. Thực tế, chúng ta mới chỉ thấy hoạt cảnh dân gian tập trung vào những ngôi chùa có phong cách Mạc, hiện tượng các hoạt cảnh này bị mất đi vào đầu thế kỷ XVII vì sự phát triển của các ngôi chùa trăm gian dưới sự bảo hộ của triều đình và tầng lớp trên.

Những hoạt cảnh dân gian ở chùa Tự Khoát đã gợi cho chúng ta hai suy nghĩ:

Một là, ở nơi đây, vai trò của ngôi chùa, đến cuối thế kỷ XVII, có thể vẫn còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, không thua kém ngôi đình.

Hai là, vì ngôi chùa đã ăn sâu vào tâm thức của quần chúng, gắn với lòng tin tâm linh của quần chúng một cách mạnh mẽ, nên nhiều khi sức mạnh của nó át cả đình. Cụ thể, lấy vài ví dụ như: ngôi đình bên cạnh chùa Thày hay ngôi đình làng Bối Khê và một số nơi khác nữa, đã

không thể át được vai trò của chùa trong nhận thức và tình cảm của dân chúng, ít nhất là quần chúng địa phương.

Từ đây chúng tôi ngờ rằng, đã một thời chùa Tự Khoát mang tư cách như một trung tâm không riêng của dân làng này mà vai trò của nó ít nhất là ảnh hưởng đến cả một vùng rộng lớn hơn.

Ngoài ra, về mặt kỹ thuật, phong cách chạm khắc của chùa Tự Khoát đã có những nét tương đồng với phong cách của đình Chu Quyến, cụ thể như: cùng một thân gỗ mà đã mang hai chức năng, vừa liên quan đến kiến trúc, vừa gắn với chạm khắc nghệ thuật. Nhiều khi, độ mở rộng nhất/dày nhất của mảng chạm đến 20cm so với mặt gỗ nền, trên đó nghệ nhân thao diễn một tài năng điều luyện thông qua chạm lõng, bong, nổi, chìm trong sự dày đặc xoắn xít nhưng rõ nét, không một sai phạm rối rắm. Tất cả như quyện lấy nhau mà vẫn thể hiện các đề tài khác nhau dưới hình thức đồng hiện, khiến người xem đưa đẩy hồn mình theo dòng tư duy liên tưởng mênh mông.

Muốn hiểu biết kỹ hơn về chùa Tự Khoát, buộc chúng ta phải quan tâm đến sự tích gắn với ngôi chùa. Truyền rằng, vào đời Lý Thánh Tông có hai công chúa là Từ Thục và Từ Huy về đây, dừng trên đồi Trúc Lĩnh, nơi có sông Tô, sông Nhuệ uốn quanh một ngôi chùa. Trong đó, sự tích hai bà và sự tích bà chúa Ba chùa Hương có nhiều nét tương đồng, đó là lẽ tất yếu trong sự giao thoa văn hóa. Tuy nhiên, tạm rút ra ở đây là, với sông Tô, sông Nhuệ - những con sông tiêu nước, thì vùng này là đất trũng. Công đầu của hai bà là giúp dân khai phá để cày cấy, phát triển nghề phụ (chủ yếu làm đồ đan, đặc biệt là đan thúng). Một nghề khác là, hai bà ít nhiều như hiện thân/hóa thân của thần nước. Vì thế, công lao của hai bà đã đồng nhất với quá trình lao động không mệt mỏi của nhân dân vùng này để xây dựng nên quê hương xứ sở tươi đẹp. Để cao hai bà như một sự khẳng định về thành quả đó, nên trong chùa Tự Khoát cũng như ở Đông Phù thì việc thờ hai bà là điều không thể thiếu. Trong hệ kiến trúc gắn với tổng thể chùa, người dân đã dựng đền thờ hai bà ở phía trước, bên phải (hữu) - nhìn từ trong ra, là thuận luật âm dương, trước khi tiếp cận với Phật điện.

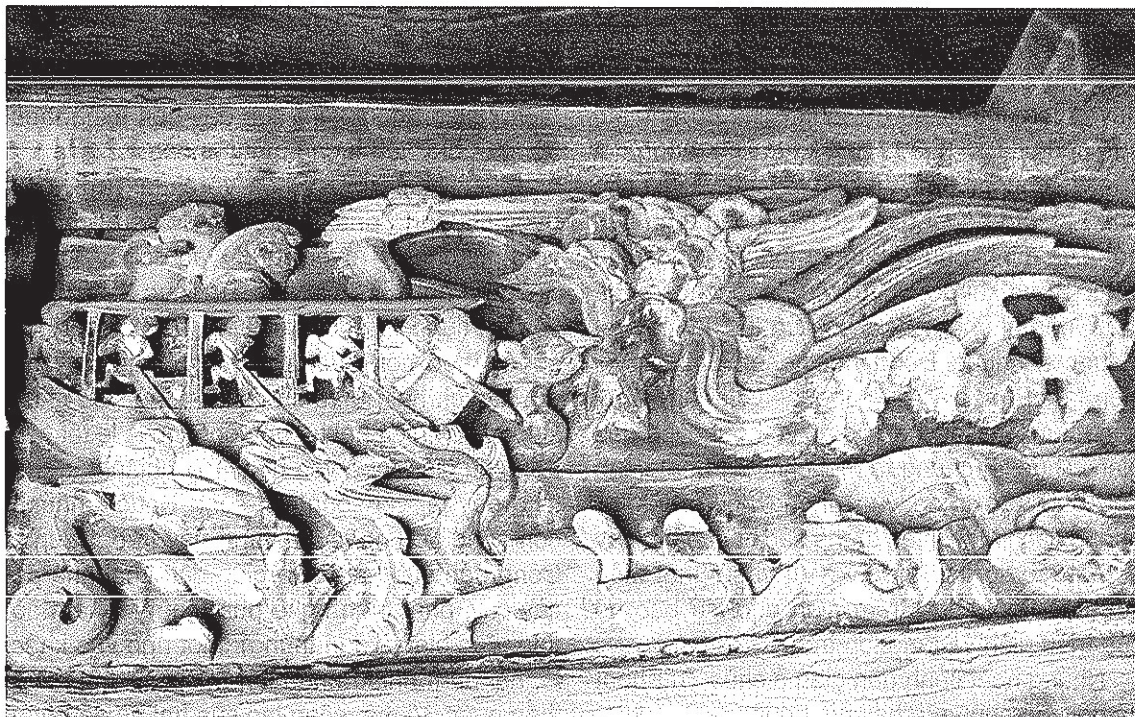
Minh - Hoàn: *Chùa Tự Khoát...*

Ở lĩnh vực điêu khắc tượng, tuy chùa không giữ được những pho tượng cổ, từ thế kỷ XVII về trước, nhưng những tượng hiện còn đã có nhiều pho rất đẹp, như tượng thị giả của Thánh tăng, tượng Tuyết Sơn, bộ tượng Đức Ông... Tất cả đã nói lên thần thái và thần lực siêu phàm ẩn trong thần tích về tượng và siêu lực kiên quyết khuyến thiện trừ tà. Ở đây, một vài pho tượng hậu cũng đầy nét sống động. Đáng quan tâm là pho tượng đức Tam Châu, ở phía trước ban thờ chính, được thể hiện như một Hộ pháp, một tay chấp trước ngực, một tay chống kiếm xuống nước, song dưới chân dẫm lên lưng con thủy long. Hình thức này như muốn đề cao ý thức chống lầy, chống lụt, thống nhất với sự tích về hai bà và địa lý khu vực như đã trình bày ở trên.

Các nhà khoa học thế giới và trong nước đã cho chúng ta biết rằng, với kiếm nằm trong tay thần thì được coi là một biểu tượng của sấm chớp. Kiếm chém/đâm xuống nước là một biểu tượng của hình thức chống thủy quái, chống lầy chống lụt.

Nhìn chung, có thể nói đây là một ngôi chùa có phần đặc biệt ở giá trị tự thân về văn hóa nghệ thuật và lịch sử liên quan, nó hé mở cho chúng ta một số vấn đề của quá khứ, cho phép chúng ta tạm hiểu nơi đây như một "điểm dừng" trước khi mở cuộc tiếp cận quy mô hơn trong cả vùng. Chùa Tự Khoát, với một số nét kiến trúc nghệ thuật riêng do chúng tôi mới tạm đọc ra được, đòi hỏi cần phải được đi sâu hơn nữa để trả về cho nó những giá trị đích thực mà tổ tiên muốn gửi lại cho mai sau./

M - H



Hoạt cảnh trong tiền đường chùa Tự Khoát, Thanh Trì, Hà Nội - Ảnh: T.L

MINH - HOÀN: TỰ KHOÁT PAGODA - A REMARKABLE ELEMENT ON CULTURAL HERITAGE

Tự Khoát is a special pagoda in XVII century with the carving walls depicting beautiful daily life pictures, and they are not too different from other carving pictures at the peak time of the art of communal houses. It means this pagoda was not "in the hands of women", and it is still a cultural center of the community. The pagoda is for God in front and for Buddha at rear, and with the worship of two princesses who have their contributions to set up this village.